

Số: /QĐ-UBND

Quảng Xương, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Long,  
huyện Quảng Xương đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng của Chính phủ;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 18/5/2021 ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định 5445/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045; Quyết định 2438/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc đính chính, hiệu chỉnh đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 7846/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND huyện Quảng Xương về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán Lập quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Long đến năm 2030;*

*Thực hiện Văn bản số 3199/SXD-QH, ngày 11/5/2022 của Sở xây dựng về việc ý kiến về đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Long, huyện Quảng Xương đến năm 2030;*

*Thực hiện Thông báo số 197/TB-UBND ngày 15/8/2022 của UBND huyện; Công văn 346-CV/VPHU ngày 15/8/2022 của Huyện uỷ Quảng Xương về Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Long đến năm 2030.*

*Xét Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 07/7/2022 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Long và đề nghị của trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng tại báo cáo kết quả thẩm định số 522/KTHT-TĐ ngày 22/8/2022,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Long, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 với những nội dung như sau:

**1. Tên đồ án quy hoạch:** Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Long, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

**2. Phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch**

Phạm vi lập quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Quảng Long, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa với tổng diện tích tự nhiên là 629,29 ha (Theo Quyết định số 3458/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa ).

Ranh giới của xã được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp xã Quảng Yên (huyện Quảng Xương);
- Phía Nam giáp xã Quảng Văn (huyện Quảng Xương);
- Phía Đông giáp xã Quảng Hòa, xã Quảng Văn (huyện Quảng Xương);
- Phía Tây giáp xã Hoàng Giang, xã Tế Nông (huyện Nông Cống).

**3. Quan điểm mục tiêu lập quy hoạch**

- Cụ thể hóa đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, tuân thủ định hướng phát triển theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Quảng Xương đến 2025 định hướng đến năm 2030;

- Quy hoạch phải mang tính thừa kế và phát huy nội dung đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt. Cụ thể hóa điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Xương đến năm 2045, rà soát bổ sung các quy hoạch ngành trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới gắn với tái cơ cấu các ngành cấp huyện, cấp vùng, cấp tỉnh. Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng công trình công cộng và các quỹ đất về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả gắn kết giữa hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng.

- Căn cứ bối cảnh phát triển kinh tế, xã hội của huyện, tỉnh từ đó xác định vai trò, vị thế của địa phương trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội. Xác định tính chất, chức năng, các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, định hình quy mô và định hướng phát triển của địa phương phù hợp theo định hướng của vùng, tỉnh theo các giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030.

- Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn xã, làm cơ sở để hướng dẫn quản lý trong việc lập các dự án quy hoạch, chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển. Quản lý, và phát triển các khu dân cư

nông thôn, các khu vực phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp xây dựng, dịch vụ thương mại, ... và hệ thống các công trình chuyên ngành.

- Gắn kết chặt chẽ với chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, dự án khác đang triển khai trên địa bàn gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống của nhân dân, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

#### **4. Tính chất, chức năng và kinh tế chủ đạo của xã**

- Đến năm 2030, xã Quảng Long là xã ngoại thị của thị xã Quảng Xương. Phát triển kinh tế - xã hội xã Quảng Long đặt trong tổng thể phát triển chung huyện Quảng Xương, của tỉnh Thanh Hóa. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển xã với huyện với sự phát triển trong khu vực, nhất là Thành phố Thanh Hóa, KKT Nghi Sơn, TP. Sầm Sơn.

- Kinh tế chủ đạo của xã là phát triển nông nghiệp, trong giai đoạn tới sẽ chuyển dịch mạnh mẽ sang phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ. Nông nghiệp và thủy sản phát triển mạnh theo hướng tập trung quy mô lớn, hình thành các vùng chuyên canh: lúa chất lượng cao, rau màu an toàn, vùng chăn nuôi tập trung, vùng nuôi trồng thủy sản,... trên cơ sở áp dụng theo hướng nông nghiệp công nghệ cao đáp ứng tốt cho thị trường quanh khu vực. Khai thác tiềm năng lợi thế đất đai, giao thông, lao động, bố trí quỹ đất, thu hút đầu tư để xây dựng phát triển các khu tiểu thủ công nghiệp nhẹ như may mặc, giày da, chiếu cói, ...

- Phát triển kinh tế phải đi đôi với giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, quan tâm xây dựng phát triển kinh tế cùng với bảo vệ giữ gìn văn hóa.

#### **5. Các yếu tố động lực phát triển của xã**

- Xã Quảng Long có vị trí địa lý rất thuận lợi, nằm cách Quốc lộ 45 khoảng 2,5km về phía Nam, cách Quốc lộ 1A 5,3km về phía Tây; Có đường tỉnh lộ 504 (từ Quốc lộ 45 xã Quảng Yên - Quốc lộ 1A xã Quảng Ninh) chạy qua phía Đông địa bàn xã với chiều dài 1,8km, đường huyện lộ Quảng Long - TT. Tân Phong (trung tâm xã Quảng Long - Quốc lộ 1A, TT. Tân Phong) chạy qua địa bàn xã với chiều dài 0,8km; hệ thống giao thông liên xã, trục xã thuận lợi là điều kiện để Quảng Long kết nối với 3 vùng kinh tế lớn của tỉnh là Thành phố Thanh Hóa, Thành phố Sầm Sơn, Khu kinh tế Nghi Sơn, và các vùng kinh tế trọng điểm của huyện như Cụm công nghiệp Quảng Bình, Khu du lịch biển Tiên Trang, Khu trung tâm huyện; kết nối, giao lưu kinh tế, xã hội với các xã lân cận như xã Quảng Yên, Quảng Văn, Quảng Hòa,... Đây là những động lực để xã Quảng Long phát triển kinh tế toàn diện theo hướng công nghiệp, thương mại - dịch vụ và sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao.

- Tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên bao gồm: tài nguyên đất đai với quỹ đất nông nghiệp lớn, bằng phẳng thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và xây dựng.

- Tiềm năng về con người: xã có dân số đông, với lực lượng lao động dồi dào, dân số trẻ, năng động, luôn thích ứng với mọi hoàn cảnh và cơ chế thị trường. Đây là tiềm năng rất lớn để phát triển kinh tế xã hội của xã.

- Hiện xã đã và đang thực hiện một số dự án vừa và nhỏ phát triển kinh tế xã hội và cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ dân sinh.

Với lợi thế về diện tích, nguồn tài nguyên phong phú cùng vị trí địa lý thuận lợi, đồng thời có các tuyến đường huyện lộ chạy qua khu vực sẽ tạo điều kiện lớn thu hút đầu tư các dự án tại xã, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và tạo điều kiện việc làm cho nguồn lao động dồi dào tại địa phương.

### **6. Dự báo sơ bộ về quy mô dân số, lao động**

- Dự báo dân số hiện trạng: khoảng 4.936 người (*Niên giám thống kê huyện Quảng Xương năm 2020*)

- Dự báo dân số dự báo:

+ Đến năm 2025: Khoảng 5.660 người.

+ Đến năm 2030: Khoảng: 6.500 người.

- Lao động và cơ cấu nghề nghiệp:

+ Đến năm 2025: Dự báo số người trong độ tuổi lao động chiếm 76,7% toàn xã (khoảng 4.341 người), trong đó lao động trong ngành nông nghiệp chiếm khoảng 42,0%, lao động trong các ngành nghề khác chiếm khoảng 48,0%.

+ Đến năm 2030: Dự báo số người trong độ tuổi lao động chiếm 76,9% toàn xã (khoảng 4.998 người), trong đó lao động trong ngành nông nghiệp chiếm khoảng 38,0%, lao động trong các ngành nghề khác chiếm khoảng 62,0%.

### **7. Phân vùng phát triển kinh tế**

Toàn xã Quảng Long đến năm 2030, được chia thành 02 tiểu vùng phát triển kinh tế:

- Vùng 1 (Khu vực trung tâm xã): Đây là khu vực trọng điểm phát triển kinh tế của xã. Định hướng khu vực tập trung phát triển các điểm dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, tiểu thủ công nghiệp gắn với phát triển các điểm dân cư nông thôn.

- Vùng 2: (Khu vực còn lại trong toàn bộ xã) là vùng sản xuất nông nghiệp và kinh doanh thương mại nhỏ, lẻ và phát triển dân cư.

### **8. Quy hoạch chung xây dựng xã**

#### **8.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã**

Khu trung tâm của xã hiện nay đã hình thành và xây dựng tương đối đầy đủ. Thuộc thôn Lộc Xá, nằm trên trục đường Quảng Long - TT. Tân, là trục chính quan trọng của xã hướng kết nối ra tuyến tỉnh lộ 504, QL 1A, đây là khu vực trung tâm, tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính

của toàn xã: Trụ sở Đảng Ủy, UBND xã, Trạm y tế, Bưu điện, Trường mầm non, Trường THCS, Trường Tiểu học, Trung tâm văn hóa TDTT xã, ..

- Diện tích khu trung tâm xã: Khoảng 8,0 ha.

## **8.2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ**

### **8.2.1. Trụ sở cơ quan hành chính, an ninh, quốc phòng**

- Chỉ tiêu quy hoạch:

+ Chỉ tiêu sử dụng đất theo tiêu chuẩn:  $\geq 1.000 \text{ m}^2$ .

+ Diện tích sử dụng:  $\leq 500 \text{ m}^2$ .

- Định hướng quy hoạch:

+ Trụ sở Đảng Ủy, Ủy ban nhân dân xã: Mở rộng về phía Tây và phía Bắc ( $8.175 \text{ m}^2$ ), tổng diện tích sau mở rộng  $11.444 \text{ m}^2$ . Mật độ xây dựng 45%, tầng cao 1- 3 tầng.

+ An ninh: Xây dựng trụ sở Công an xã trong khuôn viên UBND xã và được xây dựng độc lập có tường rào. Mật độ xây dựng 45%. Tầng cao 1 - 3 tầng.

### **8.2.2. Công trình giáo dục**

#### **a) Trường mầm non**

- Chỉ tiêu quy hoạch:

+ Diện tích đất tối thiểu cho 1 học sinh  $12 \text{ m}^2/\text{học sinh}$ .

- Định hướng quy hoạch:

Trường mầm non: Giữ nguyên vị trí hiện tại, tổng diện tích khuôn viên:  $4.812 \text{ m}^2$ . Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1 – 3 tầng.

- Dự kiến đến năm 2030 số học sinh mầm non là: 330 em (hiện trạng 255 em). Diện tích đất bình quân cho một học sinh là  $14,6 \text{ m}^2/\text{hs}$ . Như vậy đạt chuẩn về diện tích.

#### **b) Trường tiểu học**

- Chỉ tiêu quy hoạch:

+ Diện tích đất tối thiểu cho 1 học sinh  $10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$ .

- Định hướng quy hoạch:

Trường tiểu học: Giữ nguyên vị trí hiện tại, tổng diện tích khuôn viên:  $13.107 \text{ m}^2$ . Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1 – 3 tầng.

- Dự kiến đến năm 2030 số học sinh tiểu học là: 600 em (hiện trạng: 453 em). Diện tích đất bình quân cho một học sinh là  $21,8 \text{ m}^2/\text{hs}$ . Như vậy đạt chuẩn về diện tích.

+ Trong giai đoạn đến năm 2030, tiếp tục rà soát cải tạo, nâng cấp các hạng mục xuống cấp.

#### **c) Trường Trung học cơ sở**

- Chỉ tiêu quy hoạch:

+ Diện tích đất tối thiểu cho 1 học sinh  $12 \text{ m}^2/\text{học sinh}$ .

- Định hướng quy hoạch:

Trường THCS: Giữ nguyên vị trí hiện tại, tổng diện tích khuôn viên: 8.940 m<sup>2</sup>. Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1 – 3 tầng.

- Dự kiến đến năm 2030 số học sinh THCS là: 380 em (hiện trạng 293 em). Diện tích đất bình quân cho một học sinh là 23,5 m<sup>2</sup>/hs. Như vậy đạt chuẩn về diện tích.

+ Trong giai đoạn đến năm 2030, tiếp tục rà soát cải tạo, nâng cấp các hạng mục xuống cấp.

### 8.2.3. Công trình y tế

- Chỉ tiêu quy hoạch:

Diện tích đất  $\geq 500$  m<sup>2</sup> (nếu có vườn thuốc  $\geq 1.000$  m<sup>2</sup>).

- Định hướng quy hoạch:

+ Trạm y tế xã: Giữ nguyên trạm y tế hiện tại, diện tích 2.118 m<sup>2</sup>. Mật độ xây dựng 40%; tầng cao 1- 3 tầng.

+ Tiếp tục mua sắm trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh, nâng cấp cơ sở vật chất đã xuống cấp trong giai đoạn quy hoạch.

+ Tiếp tục quan tâm đến sức khỏe của nhân dân, cụ thể hàng năm tổ chức khám sức khỏe, theo dõi sức khỏe đạt 90% trở lên.

### 8.2.4. Công trình văn hóa, thể thao xã

a) Trung tâm văn hóa, thể thao xã

- Chỉ tiêu quy hoạch:

+ Diện tích nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng:  $\geq 1000$  m<sup>2</sup>

+ Diện tích Khu thể thao xã:  $\geq 5.000$  m<sup>2</sup>

- Định hướng quy hoạch:

\* Định hướng quy hoạch:

- Giữ nguyên Trung tâm văn hóa xã hiện tại, diện tích 5.425m<sup>2</sup>.

- Giữ nguyên sân vận động hiện tại, diện tích 7.464m<sup>2</sup>.

b) Nhà văn hóa, sân thể thao thôn

Chỉ tiêu quy hoạch:

+ Diện tích đất nhà văn hóa thôn theo tiêu chuẩn:  $\geq 500$  m<sup>2</sup>.

+ Diện tích sân thể thao thôn:  $\geq 1.000$  m<sup>2</sup>/điểm.

- Định hướng quy hoạch:

+ Thôn Lộc Xá: Xây mới nhà văn hóa, sân thể thao diện tích 4.960m<sup>2</sup>.

+ Thôn Long Đông Thành: Nhà văn hóa, sân thể thao giữ nguyên vị trí hiện tại. Diện tích khuôn viên 3.434m<sup>2</sup>. Trong giai đoạn tới nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa hiện tại.

+ Thôn Xuân Tiến: Xây dựng mới nhà văn hóa và sân thể thao, diện tích khuôn viên 4.637 m<sup>2</sup>.

c) Công viên cây xanh:

- Xây dựng khu công viên cây xanh, vui chơi công cộng trung tâm xã: diện tích 1,5 ha, tại khu trung tâm xã.

- Xây dựng khu công viên cây xanh thôn Lộc Xá: diện tích 0,65 ha, tại Thôn Lộc Xá.

#### 8.2.5. Công buu điện xã

- Chỉ tiêu quy hoạch.

+ Diện tích đất xây dựng:  $\geq 150 \text{ m}^2/\text{điểm}$ .

- Định hướng quy hoạch:

Giữ nguyên vị trí và diện tích hiện trạng tại thôn Lộc Xá với diện tích xây dựng là  $369 \text{ m}^2$ , nhà mái bằng 1 tầng, diện tích  $70 \text{ m}^2$ . Nâng cấp buu điện về cơ sở vật chất, chất lượng dịch vụ internet và điện thoại cho người dân.

### 8.3. Quy hoạch phát triển khu dân cư

#### \*Dự báo nhu cầu đất ở mới:

Hiện trạng xã Quảng Long có 107,0 ha đất ở tại nông thôn, với dân số là 4.936 người, diện tích đất ở bình quân **216 m<sup>2</sup>/người**. Do đó chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng khu dân cư áp dụng trong đồ án quy hoạch theo QCVN 01:2021/BXD tối thiểu là  $50 \text{ m}^2/\text{người}$ , tối đa theo diện tích đất ở bình quân hiện tại của địa phương (**216 m<sup>2</sup>/người**). Vậy chỉ tiêu quy hoạch xây dựng khu dân cư mới áp dụng trong đồ án: **50/m<sup>2</sup>/người - 216 m<sup>2</sup>/người**.

Dân số hiện trạng toàn xã: 4.936 người, dự báo đến năm 2030 dân số toàn xã là 6.500 người (tăng 1.564 người).

Do đó diện tích quy hoạch khu dân cư mới từ: 7,82ha - 33,8 ha (trừ các khu tái định cư).

Trong giai đoạn quy hoạch 2021- 2030, diện tích quy hoạch các điểm dân cư mới trên địa bàn xã Quảng Long là 18,87ha (bình quân  $120,6 \text{ m}^2/\text{người}$ ).

- Mật độ xây dựng trong từng lô đất 70-80%, tầng cao từ 2-5 tầng.

(Chi tiết tại bản đồ Quy hoạch sử dụng đất)

### 8.4. Quy hoạch các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu sản xuất phi nông nghiệp.

#### 8.4.1. Quy hoạch thương mại - dịch vụ

- Đẩy nhanh phát triển thương mại dịch vụ trên địa bàn. Khuyến khích các hộ dân bám 2 bên trục đường tỉnh lộ 504, các trục liên xã, phát triển kinh doanh, dịch vụ, thương mại như: Dịch vụ ăn uống, thời trang, kinh doanh các sản phẩm nông sản, vật liệu xây dựng, nội thất, xăng dầu, ....

- Xây dựng khu thương mại - dịch vụ: diện tích 1,36 ha, phía Nam chợ Sông mới.

- Xây dựng hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp: diện tích 0,55 ha, phía Nam chợ Sông mới.

#### 8.4.2. Quy hoạch sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là ngành được quan tâm chú trọng trong những năm tới, chủ yếu là tận dụng nguồn nhân lực hiện có tại địa phương. Xây dựng cơ chế, thành lập doanh nghiệp phát triển tiểu thủ công nghiệp.

Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp là ngành kinh tế mũi nhọn, là lợi thế tiềm năng to lớn của địa phương.

Trong giai đoạn 2021-2030, quy hoạch đất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tập trung như sau:

- Xây dựng khu tiểu thủ công nghiệp, diện tích 7,2ha (trong đó diện tích cây xanh cách ly: 1,9ha), tại thôn Lộc Xá.

- Xây dựng khu làng nghề, diện tích 0,13 ha, tại thôn Xuân Tiến.

#### 8.4.3. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp

- Thành lập mới các doanh nghiệp, có chuỗi liên kết giá trị trong sản xuất nông nghiệp, tạo sản phẩm mới trong nông nghiệp.

- Vùng chuyên canh trồng lúa chất lượng cao trên diện tích đất lúa còn lại.

- Các mô hình chăn nuôi trang trại hiện tại theo hướng đa cây, đa con, tập trung trọng điểm vào các cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, chuyển đổi 1 số diện tích trồng lúa năng suất thấp sang quy hoạch phát triển các cây có giá trị kinh tế cao.

#### 8.5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất

- Hệ thống giao thông nội đồng

Mạng lưới giao thông nội đồng chính của xã đã đảm bảo đạt các tiêu chí kỹ thuật theo Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về tiêu chí nông thôn mới nâng cao với nền đường 4,0 m, kết cấu mặt đường BTXM = 3,0 - 3,5 m, đảm bảo các phương tiện giao thông cơ giới, thô sơ có tải trọng dưới 2,5T lưu thông dễ dàng. Lưu thông 1 chiều với khoảng cách 200 đến 300 m có 1 điểm tránh xe. Đảm bảo theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao, đáp ứng nhu cầu sản xuất cho nhân dân trước mắt và lâu dài. Trong giai đoạn quy hoạch, cần tiếp tục rà soát, tu bổ những đoạn đã xuống cấp, hư hỏng đảm bảo nhu cầu đi lại và sản xuất của nhân dân.

- Hệ thống thủy lợi:

- Hệ thống kênh tưới gồm: Sông Hoàng, kênh B22, hệ thống kênh mương nội đồng.

- Hệ thống trạm bơm: Hiện tại toàn xã có 03 trạm bơm tại các thôn Lộc Xá, Xuân Tiến bơm lấy nước từ Sông Hoàng đến hệ thống thủy lợi toàn xã.

- Định hướng quy hoạch:

- + Tiếp tục rà soát, nâng cấp sửa chữa các tuyến đã cứng hóa, nạo vét kênh mương hiện có.

#### 8.6. Quy hoạch sử dụng đất

##### BẢNG THỐNG KÊ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	TẦNG CAO (TẦNG)	MẶT ĐỘ XD (%)	HỆ SỐ SD ĐẤT (LẦN)	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
-----	----------	---------	-----------------	---------------	--------------------	----------------	-----------	---------



STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	TẦNG CAO (TẦNG)	MẬT ĐỘ XD (%)	HỆ SỐ SD ĐẤT (LẦN)	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
I	ĐẤT HÀNH CHÍNH, CÔNG CỘNG XÃ					9.18	1.46	
1.1	Đất Trụ sở HĐND - UBND xã	TSC-01	1-3	30-40	0,3-1,2	1.13	0.18	Hiện trạng
1.2	Đất y tế	YT-01	1-3	30-40	0,3-1,2	0.21	0.03	Hiện trạng
1.3	Đất giáo dục	DGD				2.68	0.43	
	<i>Trường Mầm non</i>	<i>MN-01</i>	1-3	30-40	0,3-1,2	<i>0.48</i>	0.08	<i>Hiện trạng</i>
	<i>Trường Tiểu học</i>	<i>TH-01</i>	1-3	30-40	0,3-1,2	<i>1.31</i>	0.21	<i>Hiện trạng</i>
	<i>Trường THCS</i>	<i>THCS-01</i>	1-3	30-40	0,3-1,2	<i>0.89</i>	0.14	<i>Hiện trạng</i>
1.4	Đất công trình văn hóa, TDTT					3.43	0.55	
	<i>Nhà văn hóa xã</i>	<i>DVH-01</i>	<i>1-3</i>	<i>10-20</i>	<i>0,1-0,6</i>	<i>0.54</i>	0.09	<i>Hiện trạng</i>
	<i>Sân vận động xã</i>	<i>DTT-04</i>				<i>0.75</i>	0.12	<i>Hiện trạng</i>
	<i>Sân thể thao thôn Lộc Xá</i>	<i>DTT-01</i>				<i>0.47</i>	0.07	<i>Hiện trạng</i>
	<i>Sân thể thao thôn Lộc Xá</i>	<i>DTT-02</i>				<i>0.26</i>	0.04	<i>Hiện trạng</i>
	<i>Sân thể thao thôn Lộc Xá</i>	<i>DTT-03</i>				<i>0.4</i>	0.06	<i>Hiện trạng</i>
	<i>Sân thể thao thôn Long Đông Thành</i>	<i>DTT-05</i>				<i>0.26</i>	0.04	<i>Hiện trạng</i>
	<i>Sân thể thao thôn Long Đông Thành</i>	<i>DTT-06</i>				<i>0.38</i>	0.06	<i>Hiện trạng</i>
	<i>Sân thể thao thôn Xuân Tiến</i>	<i>DTT-07</i>				<i>0.37</i>	0.06	<i>Hiện trạng</i>
1.6	Nhà văn hóa các thôn					1.73	0.27	
	<i>Nhà văn hóa thôn Lộc Xá (cũ)</i>	<i>DVH-03</i>	<i>1-3</i>	<i>30-40</i>	<i>0,3-1,2</i>	<i>0.1</i>	0.02	<i>Hiện trạng</i>
	<i>Nhà văn hóa thôn Lộc Xá (mới)</i>	<i>DVH-02</i>	<i>1-3</i>	<i>30-40</i>	<i>0,3-1,2</i>	<i>0.4</i>	0.06	<i>Xây mới</i>
	<i>Nhà văn hóa thôn Long Đông Thành</i>	<i>DVH-04</i>	<i>1-3</i>	<i>30-40</i>	<i>0,3-1,2</i>	<i>0.34</i>	0.05	<i>Hiện trạng</i>
	<i>Nhà văn hóa thôn Long Đông Thành (cũ)</i>	<i>DVH-05</i>	<i>1-3</i>	<i>30-40</i>	<i>0,3-1,2</i>	<i>0.09</i>	0.01	<i>Hiện trạng</i>
	<i>Nhà văn hóa thôn Xuân Tiến (cũ)</i>	<i>DVH-06</i>	<i>1-3</i>	<i>30-40</i>	<i>0,3-1,2</i>	<i>0.17</i>	0.03	<i>Hiện trạng</i>
	<i>Nhà văn hóa thôn Xuân Tiến (mới)</i>	<i>DVH-07</i>	<i>1-3</i>	<i>30-40</i>	<i>0,3-1,2</i>	<i>0.46</i>	0.07	<i>Xây mới</i>
	<i>Nhà văn hóa thôn Xuân Tiến (cũ)</i>	<i>DVH-08</i>	<i>1-3</i>	<i>30-40</i>	<i>0,3-1,2</i>	<i>0.17</i>	0.03	<i>Xây mới</i>
1.7	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV				0.03	0.00	
	<i>Bưu điện văn hóa xã</i>	<i>DBV-01</i>	<i>1-3</i>	<i>30-40</i>	<i>0,3-1,2</i>	<i>0.03</i>	0.00	<i>Hiện trạng</i>

STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	TẦNG CAO (TẦNG)	MẬT ĐỘ XD (%)	HỆ SỐ SD ĐẤT (LẦN)	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
II	ĐẤT THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ	TMD				1.41	0.22	
	Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp	TMD-01	1-3	30-40	0,3-1,2	0.05	0.01	Xây mới
	Khu thương mại - dịch vụ	TMD-02	1-3	30-40	0,3-1,2	1.36	0.22	Xây mới
III	ĐẤT Ồ						-	
3.1	Đất phát triển dân cư mới	PT (01-15)	2-5	70-80	1,4-4,0	23.10	3.67	Xây mới
3.2	Đất dân cư hiện trạng, cải tạo	HT (01-169)	2-5	70-80	1,4-4,0	107	17.00	Hiện trạng
IV	ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN	DT (01-04)	1-3	30-40	0,3-1,2	26.37	4.19	Dự trữ
V	ĐẤT TÔN GIÁO, DI TÍCH, ĐÌNH, ĐỀN	TTN (01-02)				0.73	0.12	Hiện trạng
VI	ĐẤT NGHĨA TRANG NGHĨA ĐỊA	NT				4.8	0.76	
	Nghĩa địa hiện trạng	NT (01-06)		10-30		4.8	0.76	Hiện trạng
VII	ĐẤT CÂY XANH							
	Công viên cây xanh	CV (01-02)				2.15	0.34	Xây mới
VIII	ĐẤT GIAO THÔNG	DGT				94.37	15.00	
IX	ĐẤT THỦY LỢI	DTL				27.96	4.44	
X	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	DNN				341.3	54.24	
XI	ĐẤT KHÁC	DKH				19.25	3.06	
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH</b>					<b>629.29</b>	<b>100.00</b>	

- Chi tiết quy hoạch sử dụng các loại đất theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất.

## **8.7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

### **8.7.1. Chuẩn bị kỹ thuật**

#### **a) San nền**

- Phương án san nền đảm bảo điều kiện thuận lợi thoát nước mặt, không ngập úng, ngập lụt. Độ dốc nền tối thiểu  $i_{\min}=0.4\%$

- Kết hợp hài hoà cao độ nền khu dân cư hiện trạng (giữ nguyên cao độ hiện có, san lấp cục bộ, tránh ngập úng) và cao độ nền của khu đất quy hoạch xây dựng mới.

- Chọn các trục TL 504, các trục liên xã làm các trục phân lưu chính, san nền tạo dốc hướng chính là hướng Đông - Tây, thuận lợi cho thoát nước mưa xuống qua hệ thống thoát nước xuống Sông Yên.

- Cao độ san nền cao nhất: + 6,50m.

- Cao độ san nền thấp nhất: + 4,80m.

#### **b) Thoát nước mưa:**

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải riêng.
- Hệ thống thu nước mưa bao gồm các công đặt dọc theo hệ thống giao thông và các công ngang, nước mưa theo hệ thống này được thoát ra sông Lý.
- Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng chủ yếu là công BTCT và các hệ thống ga thu, ga thăm được bố trí với khoảng cách trung bình 30-40m/ga đảm bảo thu nước mặt.

#### 8.7.2. Quy hoạch giao thông

##### a) Các tiêu chuẩn áp dụng

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật: QCVN 07:2016

- Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn, ban hành theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải.

- Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND Tỉnh Thanh Hóa, về việc ban hành tiêu chí, điều kiện, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn Tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2018-2020;

##### b) Giao thông đối ngoại

- Quốc lộ 47C kéo dài nối đường Thái Bình (tại điểm giao Quốc lộ 1A) với Quốc lộ 47C (Cầu Quan, Nông Công): quy mô mặt cắt ngang: lòng đường 15mx2; phân cách 3m; hè 7,5mx2; CGĐĐ = 48,0m;

- Mở rộng tuyến tỉnh lộ 504: quy mô mặt cắt ngang: lòng đường 19,0m; vỉa hè 11,5mx2; CGĐĐ = 42,0m;

- Đường Tây huyện Quảng Xương (Nâng cấp, liên kết các đoạn đường đê tả sông Yên đến Bắc cầu Ghép: quy mô mặt cắt ngang: lòng đường 14m; hè 2,0mx2; CGĐĐ = 18,0m;

- Nâng cấp, mở rộng đường Quảng Yên - Quảng Hòa kéo dài đến đường Tây huyện Quảng Xương. quy mô mặt cắt ngang: lòng đường 10,5m; hè 5,0mx2; CGĐĐ = 20,5m;

- Nâng cấp, mở rộng đường Quảng Long - Quảng Hòa: quy mô mặt cắt ngang: lòng đường 10,5m; hè 5,0mx2; CGĐĐ = 20,5m;

- Xây mới đường Quảng Long - Quảng Yên (tuyến 1): quy mô mặt cắt ngang: lòng đường 10,5m; hè 5,0mx2; CGĐĐ = 20,5m;

- Xây mới đường Quảng Long - Quảng Yên (tuyến 2): quy mô mặt cắt ngang: lòng đường 10,5m; hè 5,0mx2; CGĐĐ = 20,5m;

- Nâng cấp, mở rộng đường Quảng Long - Quảng Văn: quy mô mặt cắt ngang: lòng đường 10,5m; hè 5,0mx2; CGĐĐ = 20,5m;

##### b) Giao thông nội bộ

\* Hệ thống đường trục thôn, xóm: Mở rộng đảm bảo tiêu chí nông thôn mới nâng cao tối thiểu nền đường trung bình  $B_{nền} = 5m-7m$ ,  $B_m = 4,0m-5,0m$  mặt

đường bê tông chất lượng tốt đảm bảo nhu cầu đi lại cho nhân dân, có rãnh thoát nước.

### 8.7.3. Quy hoạch Cấp điện

- Nguồn điện: Được cấp điện bởi trạm 110KV Tây Nam Tp. Thanh Hóa, thông qua tuyến trung thế 22KV đến các đường hạ thế chạy dọc các trục đường chính.

- Tổng nhu cầu sử dụng điện đến năm 2030: là 1.706,4 KVA, tương đương công suất các trạm biến áp trên địa bàn xã : >1.584,4KW.

- Hiện tại UBND xã đã đầu tư, nâng cấp các trạm biến áp với tổng công suất 1.590 KW. Do đó đã đảm bảo cung cấp điện đến năm 2030 cho toàn xã.

\* *Hệ thống chiếu sáng*: Chiếu sáng đường: gồm chiếu sáng khu vực trung tâm xã, tuyến đường liên xã, liên thôn, trục thôn,... Nguồn điện cung cấp cho hệ thống đèn chiếu sáng được lấy từ các tủ phân phối thứ cấp trong khu vực, các tủ này được lắp đặt các contactor, điện kế, rờ le thời gian và một số thiết bị phụ khác.

### 8.7.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Nước cấp cho các điểm dân cư gồm: nước sinh hoạt, nước dùng cho trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, trụ sở các cơ quan, nước dùng cho chăn nuôi, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp khác.

- Mạng lưới đường ống cấp nước HDPE 110: Thiết kế hệ thống cấp nước chính từ trạm cấp của huyện theo các tuyến giao thông đi tới các thôn xóm trên toàn xã.

- Nguồn nước: Lấy từ đường ống cấp nước từ nhà máy nước Quảng Văn hiện có.

- Nhu cầu dùng nước đến năm 2030: là 547,6m<sup>3</sup>/ng.đ.

### 8.7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

#### a) Thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải phải thu gom > 80% lượng nước cấp. Các khu dân cư phải có hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Quảng Long là xã ngoại thị cho phép sử dụng hệ thống thoát nước mưa để thoát nước thải đã được xử lý qua các Bioga để lắng, lọc của các hộ gia đình trước khi thải ra hệ thống thoát nước mưa.

#### b) Vệ sinh môi trường

- Rác thải được thu gom 100% về bãi trung chuyển rác của xã, sau đó chuyển về xử lý tại nhà máy xử lý rác thải chung thành phố Thanh Hóa tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn.

- Nghĩa trang, nghĩa địa: Giữ nguyên các nghĩa trang, nghĩa địa hiện tại chỉnh trang đường đi, trồng cây xanh bóng mát, đảm bảo diện tích mai táng theo quy định. Trước mắt tiếp tục mai táng tại các nghĩa trang này, trong giai đoạn

quy hoạch từng bước đưa về mai táng tại các nghĩa trang tập trung của huyện tại xã Quảng Trạch, Quảng Ngọc theo phương án quy hoạch chung xây dựng vùng huyện Quảng Xương.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân xã Quảng Long có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Long, huyện Quảng Xương đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện trong thời gian 15 ngày kể từ ngày phê duyệt; đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Quảng Long tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Quảng Long và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đình Dự**